

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 08/CV/KDNBP và Công văn số 09/CV/KDNBP ngày 08/01/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 22/TTr-STNMT ngày 15/01/2025; ý kiến các Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước (sau đây gọi là Chủ cơ sở; địa chỉ tại lô số 81, đường số 3A, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III, diện tích 120,3 ha (thay đổi công nghệ xử lý nước thải và bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư) tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Cơ sở) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài III.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 3800369828 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/06/2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 14/01/2022.

1.4. Mã số thuế: 3800369828.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư:

STT	Ngành nghề
I	Ngành nghề thu hút đầu tư
01	Ngành công nghiệp nhẹ - Dệt, may, tơ, sợi (không nhuộm), thêu đan; - Giày, da (không thuộc da), phụ kiện ngành giày; - Sản phẩm điện tử, thiết bị tin học và linh kiện; - Sản phẩm điện gia dụng và công nghiệp vật tư phụ tùng ngành điện gia dụng và công nghiệp; - Thiết bị công nghệ thông tin và kỹ thuật cao, công nghệ sinh học; - Sản xuất giấy, bao bì, chế bản, in ấn; - Sản xuất vali, túi xách, dụng cụ thể dục thể thao, công nghệ sinh học; - Các ngành công nghiệp nhẹ khác ít ô nhiễm môi trường; - Thiết bị dụng cụ trường học và y tế.
02	Ngành công nghiệp thực phẩm đồ uống - Bánh, kẹo, nước giải khát, thuốc lá; - Chế biến đông lạnh xuất khẩu; - Chế biến nông sản (trừ chế biến bột mì và mủ cao su); - Chế biến thức ăn chăn nuôi.
03	Ngành công nghiệp hóa mỹ phẩm, hương liệu, dược phẩm: không sản xuất hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật
04	Ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo - Cơ khí chế tạo máy động lực, máy móc thiết bị phụ tùng phục vụ nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng; - Công nghệ chế tạo ô tô, xe máy, xe đạp, phương tiện giao thông vận tải và các phụ tùng, linh kiện.
05	Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp và trang trí nội ngoại thất
06	Sản xuất nhôm gia dụng và cao cấp
07	Sản xuất hàng công nghệ phẩm, đồ chơi trẻ em
08	Sản xuất đồ nhựa, chế biến nhựa (sử dụng nguyên liệu sạch)
09	Sản xuất hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình và thiết bị văn phòng
10	Mây, tre, đồ gỗ mỹ nghệ
11	Các ngành công nghiệp sành, sứ, thủy tinh
12	Sản xuất đồ kim hoàn, giả kim hoàn (không có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất)
13	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
14	Sản xuất dầu thực vật
15	Xay sát và sản xuất bột thô
16	Sản xuất nước đá

STT	Ngành nghề
I	Ngành nghề thu hút đầu tư
17	Sản xuất thú nhồi bông, sản xuất các loại dây bện và lưới (không có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất)
18	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác: mica, nguyên liệu cách âm, cách nhiệt
19	Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển, đồng hồ
20	Sản xuất motor, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
21	Sản xuất giường, tủ, bàn ghế
22	Sản xuất nhạc cụ
23	Sản xuất khác: thiết bị bảo vệ an toàn như quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, mũ nhựa cứng
24	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn
25	Các ngành công nghiệp sạch
26	Mực in
II	Danh mục các ngành nghề không tiếp nhận đầu tư vào KCN
1	Chế biến mũ cao su
2	Chế biến tinh bột mì
3	Sản xuất giấy và bột giấy
4	Công nghiệp thuộc da, nhuộm, hóa chất
5	Ngành xi mạ và luyện kim
6	Sản xuất hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón và thủy sản
7	Công nghệ xi mạ phụ trợ, công nghệ nhuộm phụ trợ dùng trong trường hợp hoàn thiện sản phẩm
8	Ngành sản xuất gạch, ngói nung
9	Ngành công nghiệp chế biến cao su (không chế biến mũ cao su tươi)

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Tổng diện tích: 120,3 ha.
- Vị trí: Xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Công suất của hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1: 1.000 m³/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (kể từ ngày ký ban hành Giấy phép môi trường này).

Điều 4.

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của các thông tin, số liệu liên quan đến việc cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở nêu trên.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND thành phố Đồng Xoài tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường này lên Cổng thông tin điện tử tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 4;
- Công ty CP ĐT Kinh doanh nhà Bình Phước;
- LĐ VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-04-GPMT-18/02).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu điều hành, dịch vụ và hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà điều hành trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.
- Nguồn số 3: Nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của các doanh nghiệp thứ cấp, kho tàng trong Khu công nghiệp.

Nguồn số 01, 02, 03 nhập chung vào, cùng xả ra 01 điểm xả.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp sau đó dẫn về suối Song Rinh về phía Tây Bắc của Dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp thuộc xã Tiên Hưng, thành phố Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1.273.419$, $Y = 567.929$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo rõ ràng, có sản công tác thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất giai đoạn 1: $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (khoảng $41,67 \text{ m}^3/\text{giờ}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được dẫn ra mương quan trắc theo đường ống uPVC (D300, chiều dài 20 m) chảy ra hố ga 1, sau đó chảy vào mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp, mương hở bằng bê tông cốt thép B2000, chiều dài 33,5 m rồi chảy theo hệ thống cống hộp bê tông cốt thép B2000, chiều dài 600 m ra suối Song Rinh theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 1,0$) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số: lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, COD, amoni
2	pH	-	6 đến 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	27		
4	COD	mg/l	67,5		
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	45		
6	Màu	Pt/Co	50		
7	Asen	mg/l	0,045		
8	Thủy ngân	mg/l	0,0045		
9	Chì	mg/l	0,09		
10	Cadimi	mg/l	0,045		
11	Crom (VI)	mg/l	0,045		
12	Crom (III)	mg/l	0,18		
13	Đồng	mg/l	1,8		
14	Kẽm	mg/l	2,7		
15	Niken	mg/l	0,18		
16	Mangan	mg/l	0,45		
17	Sắt	mg/l	0,9		
18	Tổng xianua	mg/l	0,063		
19	Tổng phenol	mg/l	0,09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5		
21	Sunfua	mg/l	0,18		
22	Florua	mg/l	4,5		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5		
24	Tổng nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0,9		
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,045	1 lần/năm	Không yêu cầu
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,27		
30	Tổng PCB	mg/l	0,0027		
31	Coliform	vi khuẩn/ 100 ml	3000	03 tháng/lần	
32	Tổng hoạt độ	Bq/l	0,1		

	phóng xạ α			
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 6,0 m³), kết cấu: bê tông cốt thép chống thấm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 bằng cống bê tông cốt thép.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (dung tích 9,0 m³), kết cấu: bê tông cốt thép chống thấm, sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 bằng ống PVC.

- Nguồn số 3: Nước thải từ các doanh nghiệp thứ cấp phải được thu gom, xử lý sơ bộ tại từng nhà máy đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Song chắn rác thô → Hồ thu (song chắn rác tinh) → Bể điều hòa → Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Thiết bị phản ứng kết bông → Bể lắng → Bể vi sinh G.SBR1st → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế hệ thống giai đoạn 1: 1.000 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: H₂SO₄, NaOH, dung dịch COD, poly aluminium chloride, polymer anion, Ca(ClO)₂ (hoặc các hóa chất tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Chủ cơ sở đã hoàn thành kết nối quan trắc nước thải tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định. Cụ thể như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: 01 vị trí tại mương quan trắc nước thải sau xử lý.

- Thông số quan trắc lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động lắp đặt: 01 bộ.

- Camera theo dõi: 01 camera giám sát bên trong nhà trạm quan trắc và 01 camera giám sát tại mương quan trắc theo dõi, giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền trực tiếp về Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Bình Phước để theo dõi, giám sát theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: Đã xây dựng 01 hồ ứng phó sự cố kích thước: 32 m x 17 m x 4,0 m, dung tích khoảng 2.176 m³, đáy hồ và thành hồ được lót HDPE dày 1,0 mm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật đáp ứng về chuyên môn, vận hành trạm xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải bằng đường ống, tránh tình trạng tắc nghẽn. Trường hợp nước thải đầu ra không đáp ứng quy định hoặc hệ thống gặp sự cố, nước thải được bơm vào hồ sự cố để lưu chứa, sau khi khắc phục, hệ thống hoạt động ổn định, Chủ cơ sở bơm nước thải từ hồ sự cố về hệ thống để xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải

tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Cơ sở được miễn trách nhiệm thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng của địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

3.7. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy cấp khí bề mặt, máy bơm của trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng tại trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1.273.490, Y = 567.997.

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1.273.515, Y = 567.987.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15', múi chiếu 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy cấp khí bề mặt đặt trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ).

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2.4. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	Kg/năm	100
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg/năm	60
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	Kg/năm	50
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	Kg/năm	50
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	Kg/năm	20
Tổng					280

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	Bùn	Kg/năm	54.500
2	Bùn thải từ quá trình xử lý sinh học nước thải công nghiệp khác với các loại khác	12 06 12	Bùn	Kg/năm	89.500
Tổng					144.000

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đặc tính	Đơn vị	Khối lượng
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	Kg/năm	250
2	Nhựa	16 01 19	Rắn	Kg/năm	250
3	Kim loại đen không chứa thành phần nguy hại	16 01 17	Rắn	Kg/năm	560
Tổng					1.560

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Khu vực phát sinh	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	7.800
Tổng		7.800

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 240 lít.

2.1.2. Kho lưu chứa: Đặt tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Diện tích kho: 16,0 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có xây tường bao, lợp mái, nền chống thấm, có gờ chống tràn, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng, bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa HDPE, mỗi thùng có nắp đậy và dán mã số chất thải nguy hại,... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Riêng đối với bùn thải: Bùn thải được lưu chứa tại bể lắng sau đó được bơm về sân phơi bùn để tách nước và phơi trước khi thu gom, bùn khô được lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại và bùn thải đặt tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, diện tích 5,2 m² (thuộc kho chứa chất thải nguy hại diện tích 16 m²).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa: Đặt tại trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

- Diện tích kho: 5,2 m² (thuộc kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 16 m²).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, tường xây gạch cao 1,2 m và tôn ốp vách cao 2,6 m, lợp mái, nền chống thấm, có dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 240 lít.

2.3.2. Kho lưu chứa: 10,8 m² (thuộc kho chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 16 m²). Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ cơ sở:

1. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày ... tháng ... năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn sau của Cơ sở (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 05/07/2021) mà Chủ cơ sở đầu tư tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường, bao gồm các nội dung như sau:

1. Quy mô Cơ sở: Cơ sở tiếp tục hoạt động cho thuê đất trong Khu công nghiệp để hoạt động sản xuất công nghiệp với các ngành nghề được phép thu hút đầu tư tại mục 1.5 Điều 1 của Giấy phép môi trường này và cho thuê đất xây dựng nhà máy, khu điều hành, dịch vụ, khu bến bãi trong khu đất có tổng diện tích 120,3 ha thuộc địa bàn xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Công nghệ của Cơ sở: Vận hành, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật.

3. Các hạng mục công trình sẽ lắp đặt, thi công xây dựng trong giai đoạn tiếp theo:

Xây dựng và lắp đặt bổ sung hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2 (module 2), hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 3 (module 3) và hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 4 (module 4). Công suất mỗi module là 1.000 m³/ngày.đêm thuộc hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp có tổng công suất thiết kế là 4.000 m³/ngày.đêm.

Khi lượng nước thải giai đoạn 1 đạt 85% công suất của module 1, Chủ cơ sở phải tiến hành xây dựng module 2 công suất 1.000 m³/ngày.đêm. Khi lượng nước thải giai đoạn 2 đạt 85% công suất của module 2, Chủ cơ sở phải tiến hành xây dựng module 3 công suất 1.000 m³/ngày.đêm. Khi lượng nước thải giai đoạn 3 đạt 85% công suất của module 3, Chủ cơ sở phải tiến hành xây dựng module 4 công suất 1.000 m³/ngày.đêm. Tổng công suất trạm xử lý nước thải là 4.000 m³/ngày.đêm. Tóm tắt quy trình công nghệ của các module còn lại thuộc trạm xử lý nước thải tập trung:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Bể điều hòa → Thiết bị khuấy trộn tĩnh → Thiết bị phản ứng tạo bông → Bể lắng → Bể vi sinh G.SBR1st → Bể khử trùng → Quan trắc tự động (dùng chung cả trạm) → Nguồn

tiếp nhận (Điểm xả thải chung cả trạm).

Các hạng mục được dùng chung cho 02 giai đoạn của trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp: Hồ thu. Hồ thu được thiết kế và xây dựng có sức lưu chứa nước thải chung cho 2 module (module 1 và module 2 cùng 01 hồ thu; module 3 và module 4 có cùng 01 hồ thu); các công đoạn tiếp theo sẽ tách riêng cho từng module.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của giai đoạn tiếp theo:

4.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, xử lý nước thải; công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác; công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường... đã hoàn thành ở giai đoạn 1 và sẽ được tiếp tục sử dụng ở giai đoạn 2, giai đoạn 3 và giai đoạn 4.

4.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ Cơ sở phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $k_q = 0,9$ và $k_f = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện của Cơ sở đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác có liên quan.

5. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc từng giai đoạn (giai đoạn 2, giai đoạn 3 và giai đoạn 4) của Cơ sở, Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện các thủ tục về môi trường cho từng giai đoạn (giai đoạn 2, giai đoạn 3 và giai đoạn 4) của Cơ sở theo đúng quy định pháp luật.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

7. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của Cơ sở.

8. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định tại Điều 140 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

9. Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

10. Trường hợp Cơ sở có hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu thông thường thì Chủ cơ sở phải thực hiện các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010.

11. Chủ cơ sở chỉ được phép tiếp nhận vào Khu công nghiệp các Dự án đầu tư thuộc những ngành nghề như đã đăng ký trong Giấy phép môi trường đã được cấp. Trường hợp có nguyện vọng thu hút các dự án thuộc những ngành nghề khác với ngành nghề đã đăng ký trong Giấy phép môi trường đã được cấp vào Khu công nghiệp, Chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh Bình Phước và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

12. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 22/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu tại Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và các quy định khác.

13. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn

bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

14. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.